TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 624/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02/7/2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Mỹ Kiều.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Mỹ Cẩm

2. Ông Nguyễn Minh Tuân

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Út – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2018 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1023/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lương Minh H, sinh năm 1981; cư trú tại: Liên tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Q *(có mặt).*

- *Bị đơn*: Bà Trần Phương L, sinh năm 1985; cư trú tại: Đường X, Phường Y, quận Z, Thành phố M *(vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/9/2017 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Lương Minh H trình bày: Ông và bà Trần Phương L tự nguyện chung sống vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C, tỉnh Q theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25/2011, quyển số 02/2009 ngày 23/3/2011. Sau khi kết hôn, hai bên chung sống tại địa chỉ Liên tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Q. Ông và bà L chung sống một thời gian ngắn thì đã phát sinh mâu thuẫn do tính cách của hai bên không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã. Do hai bên không khắc phục được mâu thuẫn, vợ chồng sống chung không có hạnh phúc nên sáu tháng sau khi chung sống bà Trần Phương L đã vào Thành phố M sinh sống và làm việc. Kể từ đó, ông và bà L đã ly thân cho đến nay. Nay ông nhận thấy thời gian ông và bà L ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng

không còn và không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông H khai ông và bà L có 01 con chung là Lương Ngọc Phương R – sinh ngày 14/12/2011. Hiện trẻ R đang sống với bà L, do đó ông đồng ý giao con cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H khai không có.

Tại bản tự khai, bị đơn bà Trần Phương L trình bày: Bà và ông H chung sống với nhau vào năm 2011, sau khi bà sinh con thì bà và ông H đã không còn chung sống. Bà đã liên lạc bằng nhiều cách để ông H về chung sống, chăm sóc vợ con nhưng không được. Do đó, bà đồng ý ly hôn với ông Hải.

Về con chung: Hai bên có 01 con chung như ông H trình bày, bà yêu cầu được nuôi con, ông H phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L khai không có.

Tại phiên tòa, ông Lương Minh H vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà L vì trong quá trình chung sống hai bên đã phát sinh rất nhiều mâu thuẫn, do không có tiếng nói chung nên không thể hòa giải được. Hơn nữa vợ chồng đã ly thân, không chung sống với nhau từ hơn 05 năm nay dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Ông và bà L có 01 con chung là Lương Ngọc Phương R – sinh ngày 14/12/2011, ông đồng ý giao con cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 7/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: ông H khai không có.

Bà Trần Phương L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, còn thời hiệu khởi kiện, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp.

- Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H, giao 01 con chung là Lương Ngọc Phương R – sinh ngày 14/12/2011 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 7/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tài sản chung, nợ chung: Không có. Về án phí ông H phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của các bên đương sự tại phiên

tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Nguyên đơn – Ông Lương Minh H nộp đơn xin ly hôn với bị đơn là bà Trần Phương L. Theo kết quả xác minh của Công an Phường 15, quận Tân Bình thì bà L hiện thực tế cư trú tại Đường X, Phường Y, quận Z, Thành phố M, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo qui định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Phương L đã được tống đạt hợp lệ thông báo tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Phương L.

Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số số 25/2011, quyển số 02/2009 ngày 23/3/2011 do Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C, tỉnh Q thì quan hệ hôn nhân của ông Lương Minh H và bà Trần Phương L là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, giữa ông H và bà L phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo ông H là do tính cách của hai bên không hòa hợp đã đến vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã. Còn theo bà L thì sau khi bà sinh con thì ông H đã tự ý bỏ đi, không chung sống với bà để giữ gìn hạnh phúc gia đình, để chăm sóc con chung. Ông H và bà L đã sống ly thân khoảng hơn 05 năm nay. Xét thấy, trong quan hệ vợ chồng giữa ông H và bà L không còn sự quan tâm, chia sẻ và tôn trọng nhau, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, phía ông H kiên quyết xin ly hôn. Tại bản tự khai đã nộp cho Tòa, bà L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông H. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã có công văn gởi Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C, tỉnh Q để xác minh về mâu thuẫn gia đình giữa ông H và bà L. Tuy nhiên Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C, tỉnh Q trả lời không rõ về mâu thuẫn gia đình giữa ông H và bà L. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của ông H là có căn cứ nên chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung là Lương Ngọc Phương R – sinh ngày 14/12/2011. Ông H đồng ý giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 7/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà L có yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu ông H phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận. Hội đồng xét xử xét thấy con chung hiện đang sống chung với bà L,

đang trong độ tuổi phát triển và có nhiều thay đổi về tâm sinh lý nên cần sự chăm sóc của mẹ, sự ổn định về nơi ở, học tập và ổn định về tâm lý. Do vậy, căn cứ vào Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi con là phù hợp, ông Hải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 7/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà L đều khai không có.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016, ông H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được cấn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007035 ngày 23/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Ngoài ra ông H còn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Lương Minh H:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lương Minh H được ly hôn với bà Trần Phương L.

- Về quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Giao 01 con chung là Lương Ngọc Phương R – sinh ngày 14/12/2011 cho bà Trần Phương L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lương Minh H cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 7/2018 cho đến khi trẻ R đủ 18 tuổi.

Trong trường hợp ông Lương Minh H chậm thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng ông H còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thực hiện.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Ông Lương Minh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên khai hông có.

2. Án phí ly hôn sơ thẩm do ông Lương Minh H phải nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được cấn trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai số 0007035 ngày 23/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông Lương Minh H chịu.

3. Quyền kháng cáo:

Ông Lương Minh H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Phương L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Mỹ Kiều